

Bản án số: **474/2023/HSPT**  
Ngày: 27-9-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tào

*Các thẩm phán:* Ông Lê Tự

Ông Nguyễn Văn Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 424/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo Huỳnh Minh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HSST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum

***Bị cáo có kháng cáo:***

Huỳnh Minh T (Trần Hoàng K là tên giả); sinh ngày 14/7/1986 tại tỉnh Bình Định; trú tại: 9 T, thành phố Q, Bình Định; Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12, dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T1 và bà Đặng Thị H; gia đình có 03 anh, em, bị cáo là con thứ 2; bị cáo có 02 con sinh năm 2013 và sinh năm 2017 (có vợ đã ly hôn là Đoàn Thị Thúy H1). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 3 năm 2022. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Tạ Văn N – V; địa chỉ: E Bà T, phường T, TP., tỉnh Kon Tum. Có mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:***

1. Chị Đoàn Thị Thúy H1, sinh năm 1987. địa chỉ: A T, TP Q, tỉnh Bình Định. Vắng.

2. Anh Nguyễn Phi H2; địa chỉ: P, xã V, thành phố K. Có mặt.

Người có liên quan đến kháng cáo: Chị Vũ Thị T2, sinh năm 1985; địa chỉ: Hẻm E T, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng. Có đại diện ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Phú D, sinh năm 1994; địa chỉ: Đường C, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:***

Do mua bán chứng khoán bị thua lỗ và tham gia các khoản đầu tư không cụ thể trên mạng xã hội cần tiền nên Huỳnh Minh T nảy sinh ý định lừa đảo để trang trải nợ nần và để tiếp tục các hoạt động trên; Cụ thể các T đã lừa đảo của các cá nhân cụ thể như sau:

**Trường hợp thứ nhất:** Đối với chị Vũ Thị T2; trú tại: Số B hẻm E T, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Ngày 01/4/2021, chị Vũ Thị T2 xem quảng cáo mua, bán đất trên facebook thấy tài khoản “Thanhtamsolar” đăng bán một số lô đất chính chủ tại Khu đô thị N, T2 để lại số điện thoại và ngay trong ngày T liên lạc và gặp T2. T tự giới thiệu tên là Trần Hoàng K, có lô đất chính chủ thuộc Khu đô thị N và dẫn chị T2 đi xem đất để chị T2 tin và ký hợp đồng cọc đất số 09 ngày 01/4/2021 với số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng, T2 chuyển số tiền này ngay trong ngày vào tài khoản của Công ty TNHH T7. Tuy nhiên, sau khi chị T2 về trao đổi lại với chồng đã xin rút cọc không mua lô đất nữa và được Huỳnh Minh T đồng ý và hứa trả lại tiền. Cuối tháng 4/2021, T nói với chị T2 tên thật là Huỳnh Minh T, đồng thời cho T2 xem giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH T7, T đưa ra giới thiệu mình có các mối quan hệ quen biết làm ăn rộng rãi và có các dự án điện năng lượng, hứa hẹn mức lợi tức hấp dẫn từ đó kêu gọi chị T2 đầu tư, do tin tưởng, chị T2 đã đồng ý chuyển 200.000.000 đồng tiền cọc đất trước đó thành tiền góp vốn vào Công ty TNHH T7. Sau đó, với lời kêu gọi góp vốn của T, chị T2 đã nhiều lần chuyển khoản vào số tài khoản 62510004211358 của Công ty TNHH T7 và số tài khoản cá nhân Huỳnh Minh T 62510004206026 mở tại Ngân hàng Đ Chi nhánh tỉnh K cũng như chị T2 đưa tiền mặt trực tiếp cho T, tổng cộng là 1.200.000.000 đồng.

Ngày 04/5/2021, chị T2 và T có lập Hợp đồng góp vốn với nội dung: Chị Vũ Thị T2 góp vốn vào Công ty TNHH T7 số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn góp vốn từ ngày 04/5/2021 đến ngày 31/5/2021, mức lợi tức là 5%/tháng; mục đích góp vốn là để Công ty TNHH T7 sử dụng vào mục đích kinh doanh điện năng lượng mặt trời. Hợp đồng này là tổng hợp số tiền chị T2 đã chuyển T, cụ thể: Ngày 01/04/2021, chuyển khoản 200.000.000 đồng; ngày 04/5/2021, chuyển khoản 150.000.000 đồng; ngày 06/5/2021, chuyển khoản 200.000.000 đồng; ngày 07/5/2021, chuyển khoản 50.000.000 đồng; ngày 09/5/2021, chuyển khoản 100.000.000 đồng; ngày 10/5/2021, chuyển khoản 60.000.000 đồng. (Tổng cộng chị T2 đã chuyển khoản: 760.000.000 đồng) và ngày 14/5/2021, chị Vũ Thị T2 giao tiền mặt cho Huỳnh Minh T 440.000.000 đồng.

Ngày 11/6/2021, chị T2 và T tiếp tục lập Hợp đồng góp vốn với số tiền góp vốn là 600.000.000 đồng; mức lợi tức là 5%/tháng; mục đích góp vốn để Công ty TNHH T7 sử dụng vào mục đích kinh doanh điện năng lượng mặt trời. Hợp đồng này là tổng hợp số tiền các lần chị T2 chuyển T vào số tài khoản cá nhân Huỳnh Minh T số 62510004206026 mở tại Ngân hàng TMCP B Chi nhánh K cụ thể: Ngày 15/5/2021, chuyển khoản 190.000.000 đồng; ngày 17/5/2021, chuyển khoản 70.000.000 đồng; ngày 22/5/2022, chuyển khoản 150.000.000 đồng; ngày 28/5/2021, chuyển khoản 190.000.000 đồng.

Cũng trong ngày 11/6/2021, T lại giới thiệu do ngoại giao nên bản thân có thông tin một số lô đất đấu giá tại khu vực Sân vận động tỉnh Kon Tum, phường T, thành phố K và giới thiệu chị T2 mua để được giá tốt. Chị T2 tin tưởng nên đã vay số tiền 300.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đ1 Chi nhánh K đưa cho T; ngày 14/6/2021 T2 tiếp tục chuyển 360.000.000 đồng cho T thông qua tài khoản của Công ty TNHH T7 để đặt cọc mua 02 lô đất theo lời giới thiệu của T, tổng cộng chị T2 đã đưa T 660.000.000 đồng để T thực hiện đặt cọc mua 02 lô đất. Khoảng nửa tháng sau chị T2 liên hệ T để hỏi thì được thông tin do dịch Covid-19 nên chưa triển khai bán đấu giá các lô đất trên được, T kêu gọi T2 chuyển số tiền này đầu tư vào công ty của T, đến ngày 01/7/2021 hai bên lập hợp đồng góp vốn mới gộp số tiền 660.000.000 đồng tiền đặt cọc mua đất và 600.000.000 đồng tiền góp vốn hợp đồng ngày 11/6/2021 thành 1.260.000.000 đồng góp vốn kinh doanh điện năng lượng mặt trời và hứa trả lợi tức 2%/ tháng cho chị T2.

Tổng số tiền chị T2 đã đưa tiền mặt và chuyển khoản cho T là 2.460.000.000 đồng. Số tiền này, Huỳnh Minh T đã chuyển trả nợ cá nhân trước đó cho nhiều người, chuyển tiền chơi chứng khoán và sử dụng tiêu xài cá nhân. Cụ thể các lần sử dụng tiền như sau:

Đối với số tiền chị T2 đưa 02 lần trực tiếp (440.000.000 đồng đưa ngày 14/5/2021 và 300.000.000 đồng đưa ngày 11/6/2021) T khai sau khi nhận tiền mặt đã tiêu xài hết vào mục đích cá nhân, cụ thể như thế nào thì T không nhớ.

Đối với số tiền chuyển khoản tổng cộng số tiền là 1.720.000.000 đồng:

- T đã chuyển khoản 21 lần với tổng số tiền 747.000.000 đồng vào số tài khoản 45510001056269, tên Đoàn Thị H3, trú tại Khu C, phường K, thành phố H, T khai số tiền này chuyển để chơi chứng khoán trên mạng. Qua xác minh theo thông tin tài khoản xác định bà H3 do tin lời trúng thưởng qua số điện thoại yêu cầu mở tài khoản để nhận nên bà H3 đã đến ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh tỉnh H làm thủ tục mở tài khoản. Sau khi mở thì không được nhận tiền thưởng nên bà cũng không sử dụng tài khoản vào việc gì. Như vậy do bị lợi dụng sự thiếu hiểu biết bà H3 đã mở tài khoản giao dịch tuy nhiên không sử dụng tài khoản này.

T chuyển tiền đặt cọc mua đất vào số tài khoản 62510000244486 của chị Vũ Thị H4, trú tại: C Bà T, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum 250.000.000 đồng; chuyển tiền cọc mua đất vào số tài khoản 11391727 của Ngô Thị Quỳnh N1, trú tại: 4 K, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai số tiền 128.000.000 đồng;

chuyển trả nợ vào số tài khoản 5100205285220 của Trương Xuân H5 số tiền 252.000.000 đồng; chuyển tiền cho mượn vào tài khoản 108000523272 của Phan Trần Anh T3 số tiền 100.000.000 đồng; chuyển trả nợ vay cá nhân vào tài khoản 51000522571 của chị Đoàn Thị Thúy H1 (vợ cũ của T), số tiền 125.000.000 đồng; chuyển trả nợ vào tài khoản 0051000497306 của Huỳnh Công M (em trai của T), trú tại tổ B, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định số tiền 130.000.000 đồng, chuyển khoản mua 02 quạt hơi nước vào tài khoản 62510004222606 của Phan Bằng G, trú tại A T, thành phố K, tỉnh Kon Tum số tiền 6.000.000 đồng; chuyển trả nợ trước đó vào tài khoản số 62510000186889 của Nguyễn Phi H2, trú tại Phương Quý I, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum, số tiền 60.000.000 đồng; chuyển trả tiền hàng và cước phí vào tài khoản số 62510000126247 của Phạm Hoàng L (nhân viên giao hàng), trú tại A D, thành phố K, tỉnh Kon Tum, số tiền 28.800.000 đồng; chuyển trả nợ vào tài khoản 5100205114124 của Lê Trung H6 số tiền 8.000.000 đồng; chuyển tiền mua xe vào tài khoản 56210000086680 của Trần Oai P, trú tại thôn F, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam, số tiền 9.000.000 đồng.

Cũng trong thời gian đó, để chi T2 tin tưởng về lợi nhuận của các khoản đầu tư, T đã chuyển trả chi T2 tiền một số lần và nói là tiền lợi tức với tổng số tiền 153.400.000 đồng, cụ thể: Ngày 17/6/2021 chuyển số tiền 50.000.000 đồng, ngày 06/7/2021 chuyển 02 lần tổng số tiền 40.000.000 đồng, ngày 09/08/2021 chuyển số tiền 40.000.000 đồng, ngày 19/08/2021 chuyển số tiền 20.000.000 đồng, ngày 08/09/2021 chuyển số tiền 3.400.000 đồng. Ngoài ra, T đã chuyển trả nhiều lần tổng số tiền 260.000.000 đồng, cả T2 và T xác định là trả tiền gốc. Tổng cộng T đã chuyển lại T2 413.400.000 đồng. Quá trình điều tra, T và chi T2 thống nhất Trí còn nợ T2 số tiền 2.200.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh các thông tin, nội dung do Huỳnh Minh T đưa ra trong quá trình giao dịch với chi T2, xác định: Thông tin thừa đất theo hợp đồng đặt cọc ngày 01/4/2021 không có thật, toàn bộ các thửa đất tại Khu đô thị N, phường L, thành phố K không có ai tên Trần Hoàng K đứng tên chủ sử dụng hoặc đã từng giao dịch mua, bán từ trước đến thời điểm ngày 24/12/2021. Xác định Huỳnh Minh T, CMND số 215017407; Trần Hoàng K, CMND số 023274029 chưa có tài sản, bất động sản nào đăng ký tại hệ thống Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum cũng như trên toàn quốc.

Đối với thông tin trên hợp đồng đặt cọc bán lô đất Khu đô thị N, tra cứu số CMND trên hệ thống xác định của ông Trần Hoàng K; sinh ngày 29/6/1979; trú tại 1 T, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Qua làm việc, ông Trần Hoàng K không quen biết ai tên Huỳnh Minh T, từ trước đến nay không sở hữu lô đất nào ở tỉnh Kon Tum cũng như Khu đô thị N, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Đối với thông tin bán đấu giá đất khu vực Sân vận động tỉnh Kon Tum, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum xác định Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2021 khu vực này không thực hiện bán đấu giá đất, đến ngày 14/10/2021 Trung tâm phát triển quỹ đất mới hoàn tất thủ tục để giao đơn vị tổ chức đấu giá thông báo đấu giá quyền sử dụng đất khu vực trên. Đối

với thông tin dự án điện năng lượng mặt trời của Công ty TNHH T7 xác định Công ty TNHH T7 không có dự án kinh doanh điện năng lượng mặt trời nào.

**Trường hợp thứ hai:** Đối với hành vi chiếm đoạt số tiền của ông Nguyễn Văn T4, trú tại Tòa nhà R, số A Hồ T, phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

Tháng 4/2019, Nguyễn Văn T4 vào thành phố Đà Nẵng làm việc và quen biết Huỳnh Minh T, T đã giới thiệu mình là nhân viên của Công ty TNHH C - Chi nhánh Đ2. Đầu tháng 5/2019, T4 và T có thống nhất về việc hợp tác đầu tư chứng khoán cơ sở. Ngày 02/5/2019, Huỳnh Minh T hướng dẫn Tập mở tài khoản chứng khoán số 077C581137 đứng tên Nguyễn Văn T4 tại Công ty TNHH C - Chi nhánh Đ2 và T4 chuyển vào tài khoản này số tiền 800.000.000 đồng. Cùng ngày, T4 và T ký với nhau một bản hợp đồng ủy thác vốn đầu tư với nội dung T cam kết đảm bảo vốn đầu tư của T4 và trả lợi nhuận hàng tháng là 8%, nếu vượt mức 8% thì T được hưởng phần chênh lệch. Trường hợp đầu tư lỗ vốn thì T chịu trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn được ủy thác và T được chủ động đầu tư vốn theo chính sách đầu tư cá nhân. Theo lời kêu gọi từ T, từ tháng 5/2019 đến tháng 8/2019, T4 đã tin tưởng và chuyển tiền từ tài khoản của mình vào tài khoản số 100869285980 mở tại Ngân hàng TMCP V1 của Huỳnh Minh T số tiền 1.100.000.000 đồng.

Sau khi nhận được số tiền 1.100.000.000 đồng từ Nguyễn Văn T4 chuyển, Huỳnh Minh T đã thực hiện 17 lần chuyển khoản đầu tư chứng khoán vào tài khoản chứng khoán C581137 của Nguyễn Văn T4 mở tại Công ty TNHH C - Chi nhánh Đ2 với tổng số tiền là 389.956.000 đồng cùng với số tiền 800.000.000đ mà T4 đã nộp vào tài khoản. Số tiền này T đã sử dụng để mua, bán các mã cổ phiếu trên các sàn giao dịch theo thỏa thuận.

Số tiền còn lại là 710.044.000 đồng, ngay sau khi nhận được tiền do T4 chuyển, Huỳnh Minh T đã sử dụng như sau: Rút tiền mặt để sử dụng mục đích cá nhân với số tiền 71.700.000 đồng; chuyển khoản trả nợ 56.000.000 đồng cho Đoàn Thị Thúy H1; chuyển tiền mua cá số tiền 2.656.000 đồng cho Phan Thị Kim A; chuyển trả nợ số tiền 63.700.000 đồng cho Hồ Hoàng P1; số tiền còn lại 13.988.000 đồng T chuyển khoản trả nợ cá nhân cho một số tài khoản khác. Chuyển khoản vào các tài khoản của T mở tại Ngân hàng TMCP H9; Ngân hàng TMCP K1, Ngân hàng TMCP V2 với số tiền 59.000.000 đồng; số tiền này Huỳnh Minh T khai đã chuyển khoản vào các số tài khoản khác để sử dụng tiêu xài.

Chuyển khoản nhiều lần vào số tài khoản 1640507 của Nguyễn Thị H7, địa chỉ: Đ - A - P - Bình Dương, số tiền 152.500.000 đồng; số tiền này Huỳnh Minh T khai nhận đã chuyển khoản để ủy thác vốn chơi chứng khoán theo thông tin các nhóm trên facebook, T không biết người này là ai, không thỏa thuận giấy tờ gì (*Đầu tư cá nhân, không liên quan đến thỏa thuận với T4, việc đầu tư đã thua lỗ*). Qua xác minh tại địa bàn Đ - A - P - Bình Dương không có ai tên Nguyễn Thị H7; số CMND 287602849 qua tra cứu không có dữ liệu trên hệ thống.

Chuyển khoản nhiều lần vào các số tài khoản 105868809317 Ngân hàng TMCP C1 và tài khoản số 1650127 Ngân hàng TMCP A1 của Trần Thị Q; Địa chỉ: thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận số tiền 290.500.000 đồng; số tiền này Huỳnh Minh T khai nhận đã chuyển khoản để ủy thác vốn chơi chứng khoán theo thông tin các nhóm trên facebook, T không biết người này là ai, không thỏa thuận giấy tờ gì (*Đầu tư cá nhân, không liên quan đến thỏa thuận với T4, đã đầu tư thua lỗ*). Qua xác minh tại địa bàn thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận không có ai tên Trần Thị Q; số CMND 264312445 qua tra cứu không có dữ liệu trên hệ thống.

**Trường hợp thứ ba:** Đối với hành vi chiếm đoạt của anh Hồ Hoàng P1, trú tại số: A N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Hồ Hoàng P1 và Huỳnh Minh T là đồng nghiệp cũ khi kinh doanh ô tô trước năm 2019. Tháng 5/2019, Huỳnh minh T5 chủ động tìm gặp P1 và giới thiệu bản thân là nhân viên của Công ty TNHH C - Chi nhánh Đ2 và mời P1 đến trụ sở công ty để tư vấn P1 đầu tư chứng khoán vào công ty. Ngày 12/7/2019 và 09/8/2019 T5 có đề nghị P1 chuyển tiền để đầu tư cổ phiếu, P1 đồng ý và thực hiện chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của T5 số 100869285980 mở tại Ngân hàng TMCP V1 với tổng số tiền 140.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền T5 có nhắn tin xác nhận đã nhận tiền và cam kết hoàn trả vào ngày 12/8/2019 đầy đủ số tiền trên kèm theo lợi nhuận đầu tư. Tuy nhiên, đến kỳ hạn cam kết T5 không hoàn trả tiền theo thỏa thuận, đồng thời xóa tài khoản Zalo, chặn số liên lạc đã thực hiện giao dịch là số 0935.591.137.

Sau khi nhận được số tiền 140.000.000 đồng, Huỳnh Minh T đã sử dụng như sau: Rút tiền mặt tiêu xài cá nhân số tiền 4.952.000 đồng; chuyển khoản trả tiền mua cá cho chị Phan Thị Kim A số tiền 2.680.000 đồng; chuyển khoản trả nợ cá nhân cho chị Đoàn Thị Thúy Hằng s tiền 15.000.000 đồng;

Chuyển khoản vào tài khoản 105868809317 Ngân hàng TMCP C1 của Trần Thị Q số tiền 40.000.000 đồng. Số tiền này Huỳnh Minh T khai nhận đã chuyển khoản để ủy thác vốn chơi chứng khoán theo thông tin các nhóm trên facebook, T không biết người này là ai, không thỏa thuận giấy tờ gì (*Đầu tư cá nhân, không liên quan đến thỏa thuận với T4, đã đầu tư thua lỗ*). Không xác minh được người có tên Trần Thị Q theo thông tin tài khoản ngân hàng.

Chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản 1640507 Ngân hàng TMCP A1 của Nguyễn Thị H7 số tiền 78.000.000 đồng. Số tiền này Huỳnh Minh T khai nhận đã chuyển khoản để ủy thác vốn chơi chứng khoán theo thông tin các nhóm trên facebook, T không biết người này là ai, không thỏa thuận giấy tờ gì (*Đầu tư cá nhân, không liên quan đến thỏa thuận với T4, việc đầu tư đã thua lỗ*). Không xác minh được người có tên Nguyễn Thị H7 theo thông tin tài khoản ngân hàng.

**Trường hợp thứ tư:** Đối với hành vi chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Hải H8, trú tại: A L, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Khoảng năm 2020, T lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời cho Nguyễn Hải H8 nên hai bên quen nhau, khi này T sử dụng tên Trần Hoàng K để ký hợp đồng. Đến ngày 24/8/2021, Huỳnh Minh T gặp Nguyễn Hải H8 và giới

thiệt tên thật là Huỳnh Minh T làm Giám đốc Công ty TNHH T7 và đưa ông H8 xem một số dự án của công ty đã báo giá và mượn của ông H8 số tiền 200.000.000 đồng với lý do để bổ sung tiền hàng; đến ngày 22/9/2021, Huỳnh Minh T tiếp tục mượn ông H8 số tiền 100.000.000 đồng với thông tin để đảo hạn ngân hàng và hứa vào ngày 27/9/2021 sẽ trả toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng, sau một thời gian không thấy T trả tiền, H8 đã tìm cách liên hệ với Huỳnh Minh T để đòi tiền nhưng không gặp. Đến ngày 15/02/2022, T liên hệ gặp ông H8 và trình bày thực tế số tiền 300.000.000 đồng không phải mượn để nhập hàng hay đảo hạn ngân hàng mà T đã đưa ra thông tin gian dối như trên để mượn được tiền của ông H8 và chiếm đoạt để đầu tư chơi chứng khoán dẫn đến thua lỗ.

Như vậy, Huỳnh Minh T vì muốn có tiền tiêu xài, trả nợ cá nhân, kinh doanh chơi chứng khoán, giao dịch mua đất đã sử dụng thông tin gian dối chiếm đoạt số tiền 2.460.000.000 đồng của bà Vũ Thị T2; chiếm đoạt của ông Nguyễn Hải H8 300.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông T4 số tiền 710.044.000 đồng và của ông P1 số tiền 140.000.000 đồng. Theo cáo trạng, tổng số tiền bị cáo Huỳnh Minh T đã chiếm đoạt của 04 bị hại trên là 3.610.044.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an tỉnh K đã tạm giữ: 01 sổ hộ khẩu số 090386192 (bản gốc); 01 Chứng minh nhân dân số 215017407 (bản gốc) của Huỳnh Minh T.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HSST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:***

**Tuyên bố** bị cáo Huỳnh Minh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

**Áp dụng:** Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; **Xử phạt:** Bị cáo Huỳnh Minh T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 14/3/2022.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 580; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc Huỳnh Minh T phải hoàn trả cho những người bị hại như sau:

+ Trả lại cho chị Vũ Thị T2 số tiền 1.723.600.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm hai ba triệu sáu trăm ngàn đồng*).

+ Trả lại cho anh Nguyễn Văn T4 số tiền 654.044.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi bốn triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*).

+ Trả lại anh Hồ Hoàng P1 số tiền 125.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi năm triệu đồng*).

+ Trả lại anh Nguyễn Hải H8 số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Chị Đoàn Thị Thúy H1 phải trả lại chị Vũ Thị T2 số tiền 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Chị Đoàn Thị Thúy H1 phải trả lại 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) cho anh Nguyễn Văn T4.

Chị Đoàn Thị Thúy H1 phải trả lại 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) cho anh Hồ Hoàng P1.

Anh Huỳnh Công M1 trả lại chị Vũ Thị T2 số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*);

Anh Nguyễn Phi H2 phải trả lại chị Vũ Thị T2 số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng)

Anh Lê Trung H6 phải trả cho chị Vũ Thị T2 số tiền 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 09/8/2023, bị cáo Huỳnh Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 08/8 và ngày 11/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi H2 và bà Đoàn Thị Thúy H1 kháng cáo không đồng ý việc tòa sơ thẩm buộc phải trả tiền cho các bị hại.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Minh T; nhận thấy: Để có tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân cũng như tham gia các hoạt động đầu tư vào các hội nhóm không minh bạch trên mạng xã hội, nên trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 5/2021, Huỳnh Minh T bằng nhiều thủ đoạn tinh vi như sử dụng thông tin cá nhân giả (mạo danh tên Trần Hoàng K), thông tin bán các thửa đất giả, đưa ra các lời kêu gọi góp vốn đầu tư dự án điện năng lượng mặt trời, đầu tư chứng khoán với mức lợi nhuận, lợi tức cao không có thật để chiếm đoạt của 04 bị hại với số tiền 3.196.644.000 đồng (trong đó chiếm đoạt của chị Vũ Thị T2 2.046.600.000 đồng; của anh Nguyễn Hải H8 300.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T4 710.044.000 đồng và của anh Hồ Hoàng P1 140.000.000 đồng).

Với hành vi và hậu quả nêu trên, án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Huỳnh Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Án sơ thẩm đã



đánh giá đúng tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm gây ra; tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo để xử phạt bị cáo 15 năm tù là phù hợp, không nặng. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có cơ sở chấp nhận.

[2]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi H2 và bà Đoàn Thị Thúy H1; nhận thấy:

Trong quá trình điều tra có đủ căn cứ xác định bị cáo Huỳnh Minh T đã sử dụng số tiền chiếm đoạt của các bị hại để trả các khoản nợ cá nhân cho ông Nguyễn Phi H2 và bà Đoàn Thị Thúy H1; xét thấy đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên án sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS để thu hồi trả lại cho người bị hại là đúng quy định pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phi H2 và bà Đoàn Thị Thúy H1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo Huỳnh Minh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi H2 và bà Đoàn Thị Thúy H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

### **QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Minh T, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi H2 và bà Đoàn Thị Thúy H1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T 15 (mười lăm) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 14/3/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 580; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; buộc:

+ Chị Đoàn Thị Thúy H1 phải trả lại chị Vũ Thị T2 số tiền 125.000.000 đồng (*một trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

+ Chị Đoàn Thị Thúy H1 phải trả lại 56.000.000 đồng (*năm mươi sáu triệu đồng*) cho anh Nguyễn Văn T4.

+ Chị Đoàn Thị Thúy H1 phải trả lại 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) cho anh Hồ Hoàng P1.

+ Anh Nguyễn Phi H2 phải trả lại chị Vũ Thị T2 số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*)

**2.** Các quyết định về phần dân sự khác, xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

**3. Án phí phúc thẩm:**

Bị cáo Huỳnh Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; ông Nguyễn Phi H2 và bà Đoàn Thị Thúy H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông H2, bà H1 được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các phiếu thu số 0000058 ngày 21/8/2023 (do Lê Trần T6 nộp thay); số 0000056 (do Nguyễn Phi H2 nộp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Kon Tum;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS-CA Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum;  
(02 bản, để giao cho bị cáo 01 bản);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tào**